

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN A LƯỚI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1173 /UBND-HCC
Về việc công bố Bộ Chỉ số phục vụ
người dân và doanh nghiệp

A Lưới, ngày 18 tháng 8 năm 2023

Kính gửi:

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện;
- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi cục Thuế;
- Công an huyện, Bảo hiểm Xã hội huyện;
- Trung tâm Hành chính công huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 1986/UBND-KSTT ngày 08/3/2023 của UBND tỉnh về việc nâng cao Bộ Chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp năm 2023; Công văn số 943/VPUB-KSTT ngày 11/8/2023 của Văn phòng UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc công bố Bộ Chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp;

Căn cứ kết quả trên Hệ thống đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp được công bố, công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) tại mục “**Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp của bộ, ngành, địa phương**”:

Ủy ban nhân dân huyện công bố kết quả Bộ Chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp của huyện A Lưới như sau:

Tổng số điểm UBND huyện A Lưới đạt: 50,73/100 điểm (điểm toàn tỉnh là 60,58/100 điểm (Số liệu tại thời điểm 15/8/2023) (*Phụ lục chi tiết đơn vị kèm theo*).

Ủy ban nhân dân huyện công bố kết quả trên địa bàn huyện đến các cơ quan, đơn vị, địa phương biết để phát huy những điểm tốt và khắc phục những tiêu chí đạt tỷ lệ thấp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- VP: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phụ lục I
KẾT QUẢ BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP
TRONG THỰC HIỆN TTHC, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG
TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA

(Kèm Công văn số 1173 /UBND-HCC ngày 18 tháng 8 năm 2023
của Ủy ban nhân dân huyện A Lưới)

| STT | Nội dung | Điểm của huyện | Điểm của tỉnh |
|-----|---|----------------|---------------|
| I | Chỉ số tổng hợp của UBND huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế | 50,73/100 | 60,58/100 |
| II | Các chỉ số thành phần | | |
| 1 | Chỉ số công khai, minh bạch | 8,3/18 | 11,4/18 |
| 2 | Chỉ số tiến độ, giải quyết | 16,4/20 | 16,8/20 |
| 3 | Chỉ số dịch vụ công trực tuyến | 2,8/12 | 4,1/12 |
| 4 | Chỉ số thanh toán trực tuyến | 2,6/10 | 2,6/10 |
| 5 | Chỉ số mức độ hài lòng | 13,03/18 | 16,3/18 |
| 5.1 | Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị: 100% | | |
| 5.2 | Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính: 100% | | |
| 5.3 | Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn: 100% | | |
| 6 | Chỉ số số hóa hồ sơ | 7,6/22 | 9,4/22 |
| 6.1 | Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử: 22.29% | | (37.65%) |
| 6.2 | Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính: 26.92% | | (43.78%) |
| 6.3 | Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa: 0 hồ sơ | | |
| 6.4 | Số lượng tài khoản Cổng Dịch vụ công quốc gia được xác thực với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư: | | (640.741) |
| 6.5 | Số liệu cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử bản sao từ bản chính: 285 | | (10.442) |

Phụ lục II
KẾT QUẢ BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP
TRONG THỰC HIỆN TTHC, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG
TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA
(Kèm Công văn số 1173 /UBND-HCC ngày 18 tháng 8 năm 2023
của Ủy ban nhân dân huyện A Lưới)

| STT | Chỉ số tổng hợp của UBND các xã, thị trấn | Điểm | Ghi chú |
|-----|---|---|---------|
| 1 | UBND xã A Ngo | 44,12/100 | |
| 2 | UBND xã Hồng Vân | 42,49/100 | |
| 3 | UBND xã Hồng Kim | 46,37/100 | |
| 4 | UBND xã Hồng Bắc | 41,33/100 | |
| 5 | UBND thị trấn A Lưới | 45,75/100 | |
| 6 | UBND xã Hồng Hạ | 41,64/100 | |
| 7 | UBND xã Sơn Thủy | 41,2/100 | |
| 8 | UBND xã Đông Sơn | 37,81/100 | |
| 9 | UBND xã Hương Nguyên | 42,27/100 | |
| 10 | UBND xã Hồng Thượng | 45,21/100 | |
| 11 | UBND xã Hồng Thủy | 34,4/100 | |
| 12 | UBND xã A Roàng | 40,64/100 | |
| 13 | UBND xã Hương Phong | 43,79/100 | |
| 14 | UBND xã Hồng Thái | 44,4/100 | |
| 15 | UBND xã Phú Vinh | 37,95/100 | |
| 16 | UBND xã Lâm Đốt | <i>03 xã sáp nhập Công DVC QG chưa cập nhật đầy đủ số liệu nên điểm thống kê chưa chính xác</i> | |
| 17 | UBND xã Trung Sơn | | |
| 18 | UBND xã Quảng Nhâm | | |

Phụ lục III
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỨNG THỰC ĐIỆN TỬ BẢN SAO
TỪ BẢN CHÍNH TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA
(Kèm Công văn số 1173 /UBND-HCC ngày 18 tháng 8 năm 2023
của Ủy ban nhân dân huyện A Lưới)

| STT | Đơn vị | Đã triển khai | Số lượng hồ sơ hoàn thành |
|------------|----------------------|----------------------|----------------------------------|
| 1 | UBND xã A Ngo | x | 7 |
| 2 | UBND xã Hồng Vân | x | 5 |
| 3 | UBND xã Hồng Kim | x | 11 |
| 4 | UBND xã Hồng Bắc | x | 15 |
| 5 | UBND thị trấn A Lưới | x | 63 |
| 6 | UBND xã Hồng Hạ | x | 2 |
| 7 | UBND xã Sơn Thủy | x | 13 |
| 8 | UBND xã Quảng Nhâm | x | 76 |
| 9 | UBND xã Hương Nguyên | x | 17 |
| 10 | UBND xã Hồng Thượng | x | 7 |
| 11 | UBND xã Hồng Thủy | x | 11 |
| 12 | UBND xã A Roàng | x | 9 |
| 13 | UBND xã Hương Phong | x | 8 |
| 14 | UBND xã Hồng Thái | x | 13 |
| 15 | UBND xã Phú Vinh | x | 1 |
| 16 | UBND xã Lâm Đốt | x | 2 |
| 17 | UBND xã Trung Sơn | x | 3 |
| 18 | UBND xã Đông Sơn | x | 3 |

Phụ lục IV
KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA
(Kèm Công văn số 1173 /UBND-HCC ngày 18 tháng 8 năm 2023
của Ủy ban nhân dân huyện A Lưới)

| ST T | Tên đơn vị | Mã định danh | Tổng số hồ sơ xử lý quá hạn | Tỷ lệ hồ sơ đúng hạn, trong hạn (%) | Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến (%) | Ghi chú |
|------|----------------------|---------------|---|-------------------------------------|--------------------------------|---------|
| 1 | UBND xã A Ngo | 000.52.30.H57 | 36 | 78,11 | 19,8 | |
| 2 | UBND xã Hồng Vân | 000.65.30.H57 | 15 | 89,43 | 1,0 | |
| 3 | UBND xã Hồng Kim | 000.58.30.H57 | 1 | 99,11 | 8,1 | |
| 4 | UBND xã Hồng Bắc | 000.56.30.H57 | 42 | 79,56 | 3,4 | |
| 5 | UBND thị trấn A Lưới | 000.51.30.H57 | 22 | 94,1 | 8,0 | |
| 6 | UBND xã Hồng Hạ | 000.57.30.H57 | 53 | 84,98 | 4,4 | |
| 7 | UBND xã Sơn Thủy | 000.70.30.H57 | 47 | 71,9 | 14,3 | |
| 8 | UBND xã Đông Sơn | 000.63.30.H57 | 28 | 67,08 | 1,5 | |
| 9 | UBND xã Hương Nguyên | 000.66.30.H57 | 54 | 80,9 | 2,3 | |
| 10 | UBND xã Hồng Thượng | 000.62.30.H57 | 20 | 94,87 | 7,0 | |
| 11 | UBND xã Hồng Thủy | 000.63.30.H57 | 26 | 52,81 | 7,4 | |
| 12 | UBND xã A Roàng | 000.53.30.H57 | 35 | 71,87 | 12,7 | |
| 13 | UBND xã Hương Phong | 000.67.30.H57 | 8 | 77,92 | 20,3 | |
| 14 | UBND xã Hồng Thái | 000.61.30.H57 | 6 | 89,51 | 13,3 | |
| 15 | UBND xã Phú Vinh | 000.69.30.H57 | 8 | 59,42 | 3,2 | |
| 16 | UBND xã Lâm Đốt | 000.63.30.H57 | 3 xã sáp nhập Công DVC QG chưa cập nhật đầy đủ số liệu; đề nghị các xã căn cứ số liệu thống kê trên Hệ thống thông tin thủ tục hành chính của tỉnh để thực hiện | | | |
| 17 | UBND xã Trung Sơn | 000.63.30.H57 | | | | |
| 18 | UBND xã Quảng Nhâm | 000.55.30.H57 | | | | |

Phụ lục V

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA

(Kèm theo Công văn số 1173 /UBND-HCC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của UBND huyện A Lưới)

(Số liệu thống kê từ 15/12/2022 đến 15/8/2023)

| STT | Lĩnh vực | Cơ quan chuyên môn tham mưu | Tổng số | Hồ sơ đang giải quyết | | | Hồ sơ đã giải quyết | | |
|----------|--|--|-------------|-----------------------|------------|-------------------|---------------------|-------------|-------------------|
| | | | | Tổng số | Trong hạn | Quá hạn | Tổng số | Đúng hạn | Trễ hạn |
| | Tổng cộng | | 4021 | 313 | 268 | 45 (14,4%) | 3708 | 3504 | 204 (5,5%) |
| 1 | An toàn thực phẩm và dinh dưỡng | Văn phòng (Y tế) | 2 | 0 | 0 | 0 | 2 | 2 | 0 (0%) |
| 2 | Bảo trợ xã hội | Phòng Lao động – TB và XH | 749 | 9 | 9 | 0 | 740 | 734 | 6 (0,8%) |
| 3 | Cấp sổ BHXH, thẻ BHYT | Bảo hiểm Xã hội | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 | 0 (0%) |
| 4 | Chứng thực | Phòng Tư pháp | 609 | 0 | 0 | 0 | 609 | 608 | 1 (0,2%) |
| 5 | Dân tộc | Phòng Dân tộc | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 | 0 (0%) |
| 6 | Đất đai | Chi nhánh Văn phòng ĐK đất đai; Phòng Tài nguyên và Môi trường; Chi cục Thuế | 1684 | 184 | 173 | 11 (6%) | 1500 | 1403 | 97 (6,5%) |
| 7 | Đầu tư xây dựng | Phòng Tài chính – Kế hoạch | 100 | 17 | 17 | 0 | 83 | 70 | 13 (16,3%) |

| | | | | | | | | | |
|----|--|--------------------------------|-----|----|----|--------|-----|-----|----------|
| 8 | Giao dịch bảo đảm | Chi nhánh Văn phòng ĐK đất đai | 267 | 0 | 0 | 0 | 267 | 262 | 5 (1,9%) |
| 9 | Hộ tịch | Phòng Tư pháp | 36 | 1 | 1 | 0 | 35 | 33 | 2 (5,7%) |
| 10 | Hoạt động xây dựng | Phòng Kinh tế và Hạ tầng | 187 | 11 | 11 | 0 | 176 | 162 | 14 (8%) |
| 11 | Lĩnh vực giáo dục tiểu học | Phòng Giáo dục và Đào tạo | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 | 0 (0%) |
| 12 | Lĩnh vực giáo dục trung học | | 3 | 0 | 0 | 0 | 3 | 3 | 0 (0%) |
| 13 | Lĩnh vực Quản lý ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự | | 2 | 0 | 0 | 0 | 2 | 2 | 0 (0%) |
| 14 | Lĩnh vực văn bằng chứng chỉ | | 13 | 0 | 0 | 0 | 13 | 10 | 3 (23%) |
| 15 | Lưu thông hàng hóa | Phòng Kinh tế và Hạ tầng | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 | 0 |
| 16 | Quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện | Phòng Kinh tế và Hạ tầng | 4 | 0 | 0 | 0 | 4 | 4 | 0 |
| 17 | Quản lý ngân sách | Phòng Tài chính – Kế hoạch | 10 | 1 | 1 | 0 | 9 | 9 | 0 |
| 18 | Quản lý tài sản công | | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 | 0 |
| 19 | Tài chính đầu tư | | 42 | 18 | 16 | 2 (5%) | 24 | 16 | 8 (33%) |
| 20 | Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh | | 51 | 0 | 0 | 0 | 51 | 47 | 4 (8%) |

| | | | | | | | | | |
|----|--|---|-----|----|----|----------|----|----|----------|
| 21 | Thành lập và hoạt động của Hợp tác xã | | 7 | 0 | 0 | 0 | 7 | 4 | 3 (43%) |
| 22 | Thi đua - Khen thưởng | | 20 | 0 | 0 | 0 | 20 | 13 | 7 (35%) |
| 23 | Tổ chức phi chính phủ | Phòng Nội vụ | 3 | 0 | 0 | 0 | 3 | 2 | 1 (33%) |
| 24 | TTHC liên thông Đăng ký Hộ kinh doanh, HTX và Đăng ký mã số thuế | Phòng Tài chính – Kế hoạch; Chi cục Thuế | 85 | 1 | 1 | 0 | 84 | 73 | 11 (13%) |
| 25 | TTHC liên thông lĩnh vực Người có công | Phòng Lao động – TB và XH | 120 | 70 | 38 | 32 (46%) | 50 | 22 | 28 (56%) |
| 26 | Văn hoá | Phòng Văn hóa và Thông tin | 21 | 1 | 1 | 0 | 20 | 20 | 0 |
| 27 | Viễn thông | | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 1 (100%) |

*** Ghi chú:**

- Đề nghị các cơ quan, đơn vị khẩn trương tham mưu, giải quyết số lượng hồ sơ ở trạng thái đang giải quyết và đã quá hạn, gồm:
Lĩnh vực Đất đai, Tài chính – Đầu tư và TTHC liên thông lĩnh vực Người có công.
- Các lĩnh vực có tỷ lệ hồ sơ đã giải quyết nhưng quá hạn cao, đề nghị trong 04 tháng cuối năm đẩy nhanh tiến độ giải quyết hồ sơ để nâng cao tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn của cả năm 2023./.